

Bản án số: 136/2021/HSST
Ngày: 31/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quý

Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2021/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Đức S, sinh năm: 1974 tại Quảng Ngãi; hộ khẩu thường trú: phường T, thành phố Q, tỉnh Q; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết M (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ là Đỗ Thị P, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/7/2013, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 145/2013/HSST, chấp hành xong bản án ngày 22/4/2015; bị bắt tạm giam ngày: 05/11/2020 đến nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Tôn Thất N, sinh năm 1972 tại Khánh Hòa; hộ khẩu thường trú: Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất S (đã chết) và bà Trương Thị Tuyết A; vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 21/8/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 117/2008/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2012.

Nhân thân:

- Ngày 25/6/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 15 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo bản án số 79/HSPT, chấp hành xong bản án ngày 31/8/2004;

- Ngày 21/6/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 138/2012/HSST, chấp hành xong bản án ngày 10/11/2013;

- Ngày 26/5/2017, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 109/2017/HSST, chấp hành xong bản án ngày 04/9/2018.

Bị bắt tạm giam ngày: 05/11/2020 đến nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đường B, khu phố B, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

- Ông Phạm Minh T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Ngô Trần D, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường Đ, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 10 năm 2020, Lê Đức S gặp và biết Tôn Thất N ở quán cà phê khu vực phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức. Sau đó, S rủ N cùng với S trộm cắp tài sản của người đi trên tuyến xe buýt số 19 Bến Thành – Suối Tiên thì N đồng ý. S nói với N khi S lên xe buýt tìm người có tài sản sơ hở móc túi chiếm đoạt xuống xe buýt thì N điều khiển xe theo đến chỗ S tẩu thoát, tài sản chiếm đoạt được bán chia đều nhau. N đồng ý và nói khi nào S đi thì gọi N.

Khoảng 15 giờ ngày 05/11/2020, S dùng điện thoại di động hiệu Nokia 105 gọi đến điện thoại Nokia 6300 của N rủ N đến quán cà phê không tên trên đường Quốc lộ 13 gần ngã tư Nguyễn Xí - Quốc lộ 13, Phường 26, quận Bình Thạnh, chờ S đến để cùng đi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người đi xe buýt thì N đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, S đến và lên xe buýt tuyến 19 đi hướng từ Bến Thành - Suối Tiên tìm người có tài sản sơ hở để móc túi lấy trộm, N liền điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen biển số: 54V3-6121 chạy theo phía sau chờ S xuống xe thì chờ S tẩu thoát. Khi xe buýt di chuyển đến ngã tư Bình Phước, S phát hiện ông Phan Văn Đ nghe điện thoại xong và cất điện thoại di động hiệu OPPO Reno2 F màu trắng xanh vào túi áo bên trái phía trước. Thấy ông Đ chuẩn bị xuống xe ở trạm xe buýt khu vực

cổng chợ Tam Bình, địa chỉ Quốc Lộ 1A, khu phố 3, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, S liền tiến lại áp sát phía sau, nhân lúc người khác lo xuống xe, S dùng tay trái lên móc lấy điện thoại di động hiệu OPPO Reno2 F màu trắng xanh từ trong túi áo của ông Đ ra bỏ vào túi quần bên trái phía trước của S thì bị ông Đ phát hiện tri hô. Lúc này, N điều khiển xe mô tô đến, S liền lên xe N chở S tẩu thoát về hướng cầu vượt Linh Xuân. Lúc này, ông Phạm Minh T và ông Ngô Trần D đang gần khu vực nói trên nghe tiếng tri hô của ông Đ đã cùng quần chúng truy đuổi theo xe N và S. Trên đường tẩu thoát S đưa điện thoại vừa lấy trộm được cho N cất giữ vào túi đen mang trước bụng. Khi N và S đến trước nhà số 240 Kha Vạn Cân, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức thì ông T, ông D cùng quần chúng khác đuổi kịp bắt giữ, giao S và N cho công an phường Tam Bình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trong túi đen trước bụng N 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno2 F màu trắng xanh của ông Đ.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Lê Đức S và Tôn Thất N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno2 F màu trắng xanh.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen biển số: 54V3-6121, số máy: HC12E1574392, số khung: RLHHC12049Y043235.

- 01 (một) túi xách màu đen.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, số seri 35310111670711.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, số seri 353508027164750.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Phan Văn Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 01 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Lê Đức S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Tôn Thất N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Đức S và Tôn Thất N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố. Các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu và kết luận: Giữ N quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Đức S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Tôn Thất N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Lê Đức S từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù và Tôn Thất N từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù, vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo Tôn Thất N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chỉ đề nghị xem xét rằng bị cáo đã đóng đầy đủ tiền án phí của các bản án số 79/HSPT ngày 25/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và bản án số 117/2008/HSST ngày 21/8/2008 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Lê Đức S không tranh luận, lời sau cùng hai bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo như sau: Vào khoảng hơn 16 giờ ngày 05/11/2020, tại khu vực trạm xe buýt trước cổng chợ Tam Bình, địa chỉ Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Lê Đức S và Tôn Thất N đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno2 F màu trắng xanh của ông Phan Văn Đ thì bị phát hiện bắt quả tang.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 2245/CV-HĐĐGTSTTTTHS ngày 13 tháng 11 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức kết luận về giá của tài sản: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2 F màu trắng xanh của ông Phan Văn Đ có giá trị 3.800.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Lê Đức S đã phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Riêng bị cáo Tôn Thất N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức xác định bản án số 117/2008/HSST ngày 21/8/2008 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án số 79/HSPT ngày 25/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An chưa được xóa án tích để cho rằng bị cáo tái phạm nguy hiểm và truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bản án số 79/HSPT ngày 25/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An: Tại văn bản số 178/CV-CCTHADS ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An về việc trả lời xác minh thi hành án, xác định “Qua rà soát, kiểm tra sổ sách, hồ sơ đang tổ chức thi hành án và hồ sơ lưu trữ thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức không tìm thấy hồ sơ thi hành án của Tôn Thất N...theo bản án số 79/HSPT ngày 25/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và bản án số 20/HSST ngày 20/3/2003 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức”, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo N khai là đã đóng án phí đầy đủ nhưng hiện nay không có giữ biên lai. Đồng thời trong hồ sơ cũng thể hiện bị cáo đã được đặc xá tha tù trước thời hạn theo Giấy chứng nhận đặc xá tha tù trước thời hạn của trại giam Thạnh Hòa cấp trong đó xác định “Hình phạt bổ sung (nếu có) phải tiếp tục chấp hành: Không”. Như vậy, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên cần xem xét

theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xác định bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án theo giấy chứng nhận đặc xá tha tù trước thời hạn vào ngày 31/8/2004.

- Đối với bản án số 117/2008/HSST ngày 21/8/2008 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Bị cáo N xác định đã chấp hành xong hình phạt tù, đóng án phí đầy đủ (không cung cấp được biên lai), nên đã được xoá án tích. Tuy nhiên căn cứ văn bản số 494/CCTHADS ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 thì “Tôn Thất N nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.905.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm...Tôn Thất N chưa thi hành khoản nào”, nên có căn cứ xác định bị cáo N chưa chấp hành xong bản án này.

Do đó, lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, không phải là tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo N nêu trên đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Về nhân thân, bản thân cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu bị cáo S đã bị kết án theo bản án số 145/2013/HSST ngày 22/7/2013 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh; bị cáo N đã bị kết án theo bản án số 79/HSPT ngày 25/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bản án số 138/2012/HSST ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân Quận 8 và bản án số 109/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, nhưng các bị cáo không chịu sửa đổi bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên giảm cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno2 F màu trắng xanh. Ngày 08/11/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức trả lại cho chủ sở hữu là ông Phan Văn Đ, ông Đ đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen biển số: 54V3-6121, số máy: HC12E1574392, số khung: RLHHC12049Y043235. Kết quả xác minh, xe mô tô trên do ông Nguyễn Anh D mua, đứng tên chủ sở hữu vào ngày 14/11/2008. Đến tháng 4 năm 2017, ông D bán xe trên cho ông Trần Tuấn K. Ông K là bạn với Tôn Thất N. Ngày 15/11/2020, Tôn Thất N mượn xe mô tô trên của ông K đi công việc, ông K không biết N dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội. Ngày 22/01/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại xe mô tô trên cho ông Trần Tuấn K, là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 (một) túi xách màu đen, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, số seri 35310111670711 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, số seri 353508027164750: Các bị cáo dùng

để liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đức S và Tôn Thất N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đức S: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tôn Thất N: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2020.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, số seri 35310111670711 của bị cáo Lê Đức S.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, số seri 353508027164750 của bị cáo Tôn Thất N.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi xách màu đen.

(Vật chứng tại phiếu nhập kho số NKT2021/104 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Sở tư pháp;
- VKSNDTP.Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Lê Thị Kim Anh